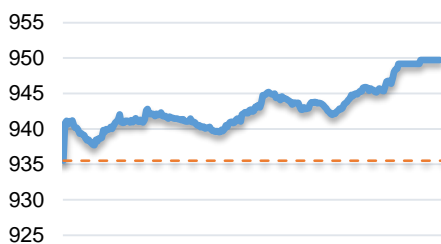


Diễn biến thị trường trong phiên

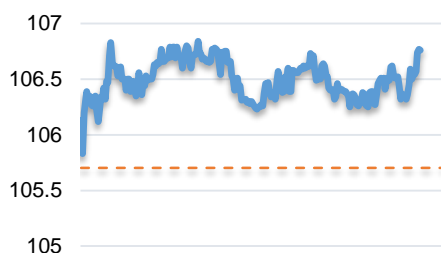
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	949.7	106.8	50.3
% ngày	1.52	1.00	0.62
% tuần	1.39	0.43	0.04
% tháng	-1.15	0.55	-3.25
% năm	22.22	6.17	-10.88
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,025.67	522.70	190.11
Hôm qua	3,159.88	504.68	104.45
TB 1 tháng	3,044.21	525.00	155.46
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	361.89	5.70	19.59
Bán	403.93	2.98	28.09
Giá trị ròng	(42.04)	2.72	(8.50)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	164	88	74
Mã Giảm	111	67	71
Không Đổi	78	229	589
Chỉ số chính			
P/E	16.9x	10.8x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,975	199	806
LS Cổ tức	2.03	2.66	4.09

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hôm nay diễn ra sôi động hơn vào cuối phiên khiến các chỉ số có pha tăng mạnh bằng sự dẫn đầu của các mã nhóm ngành ngân hàng tiêu biểu là BID, HDB, ACB... Trong phiên hôm nay, tâm lý của các nhà đầu tư có phần tích cực hơn nên tạo đà tăng cho thị trường. Các chỉ số VN-Index và HNX-Index đều tăng ít nhất 1%, chỉ số VN-Index tăng 1.52% và đóng cửa ở mức cao nhất vượt mức 940 điểm, chỉ số HNX-Index tăng thêm 1% chốt tại mức 106.8 điểm.

Sự tăng điểm của thị trường hôm nay đến từ các mã cổ phiếu VHM, BID, GAS, VJC, VCB... cũng với rất nhiều mã có khối lượng giao dịch lớn và đều đóng cửa ở mức giá trần trong phiên như FLC (39.4 triệu cp), HAG (7 triệu cp), HSG (6.2 triệu cp).

Dòng tiền đổ vào thị trường trong phiên hôm nay tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ nên giá trị giao dịch trong phiên hôm nay chỉ ở mức thấp. Tổng giá trị giao dịch ở hai sàn chỉ đạt 4.200 tỷ đồng (trong đó giao dịch thỏa thuận đóng góp 350 tỷ đồng), tương ứng khối lượng giao dịch đạt 229 triệu cổ phiếu.

Khối ngoại bán ròng nhẹ trong phiên với tổng giá trị khoảng 48 tỷ đồng trên toàn thị trường. VIC vẫn là mã bị khối ngoại rút ra nhiều nhất với giá trị bán ròng lên đến 62 tỷ đồng. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua vào nhiều mã nhóm chứng khoán như SSI (13 tỷ), HCM (8 tỷ) ngoài ra còn có BID (11 tỷ), KDC (11 tỷ), NT2(6 tỷ),...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong phiên kế tiếp và dòng tiền ngắn hạn sẽ có chiều hướng tăng dần. Đồng thời, đồ thị giá của hai chỉ số chính đã có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp, đặc biệt dòng tiền đang có sự lan tỏa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng dần và mức kháng cự ngắn hạn kế tiếp của chỉ số VN-Index là 983 điểm.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 903.53 điểm của chỉ số VN-Index và 100.99 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 64% cổ phiếu/36% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

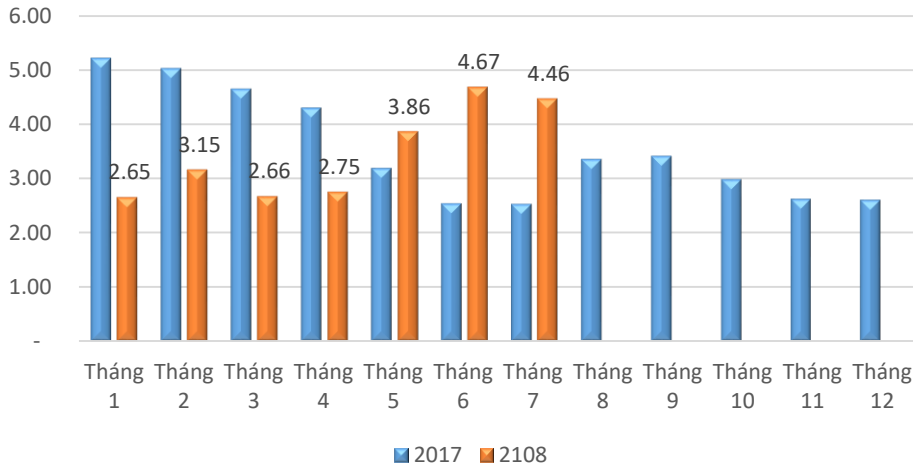


NOTES

CHỈ SỐ CPI THÁNG 07/2018

Lạm phát giá tiêu dùng ở Việt Nam đã giảm xuống 4,46% so với cùng kỳ năm ngoái trong tháng 07/2018, thấp hơn 4,67% trong tháng 06/2018 (giảm nhẹ 0.09%), nhưng vẫn tăng 2.13% so với năm 2017, nguyên nhân chủ yếu là do giá cả dịch vụ Y tế giảm mạnh.

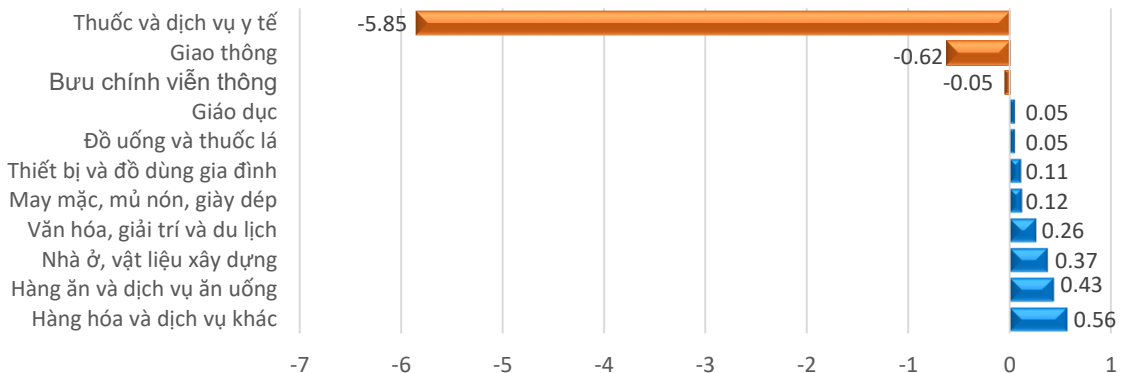
Chỉ số CPI Tháng 7/2018 so với cùng kỳ



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong khi đó, nhóm giao thông cũng giảm 0,52% trong tháng 7/2018. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ hai đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm ngày 22/06/2018 và thời điểm ngày 23/07/2018 làm CPI chung giảm 0,05%. Bên cạnh đó, nhóm bưu chính viễn thông cũng giảm 0.05%. Các nhóm còn lại đều có chỉ số giá tăng so với tháng trước. Cụ thể, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0.43%, trong đó lương thực giảm 0.92% do giá gạo giảm 0,8%; thực phẩm tăng 0,87% chủ yếu do giá thịt lợn tăng 3.02%, làm CPI chung tăng 0.13%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0.37% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện, nước tăng cao.

Chỉ số CPI t7/2018 theo ngành so với t6/2018



Nguồn: Tổng cục thống kê

Như vậy, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng năm 2018 đã tăng 3.45% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Theo đó, tỷ lệ lạm phát cơ bản tăng lên 1.41% từ 1.37% trong tháng 06/2018. Do đó, lạm phát năm 2018 vẫn có khả năng sẽ kiểm soát được như mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra trong năm 2018. Tuy nhiên, điểm lo ngại của chúng tôi đó là tình hình tỷ giá trong 6 tháng cuối năm 2018 và giá dầu dự báo sẽ tiếp tục tăng.

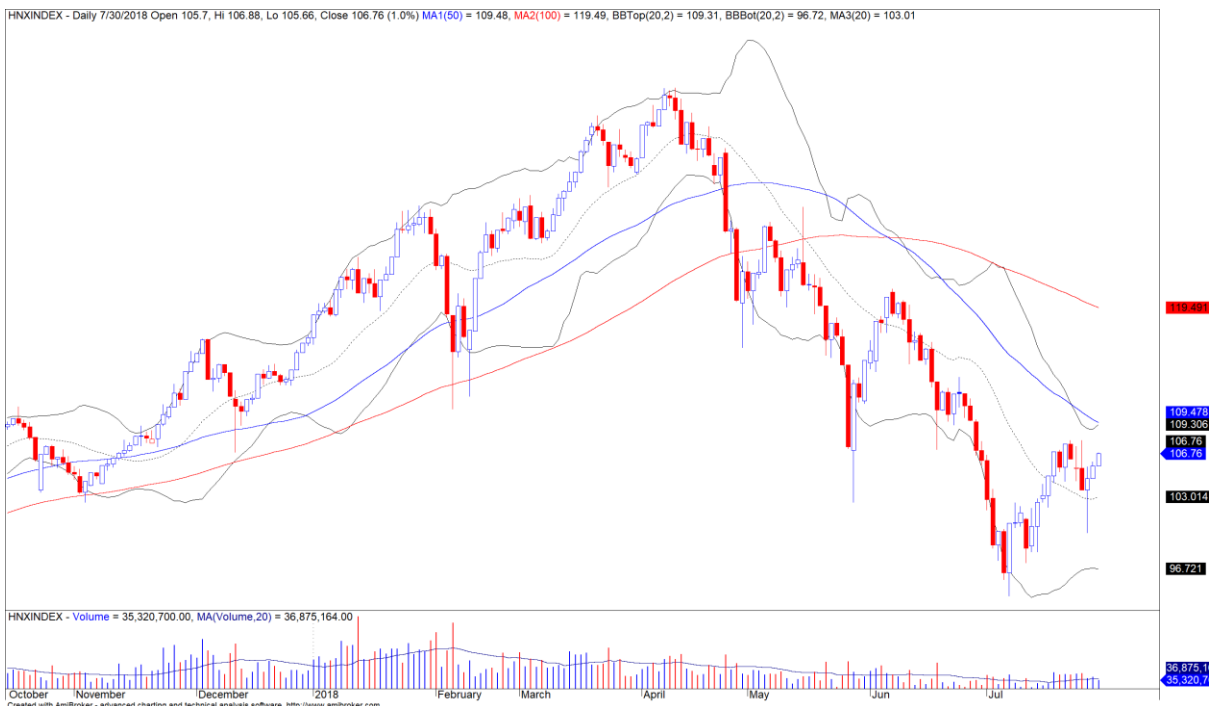


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.45	GIẢM	GIẢM		18.31				21.18		
ACB	36.10	TĂNG	GIẢM	35.60	32.43	1.40%			41.80		
ACV	80.50	GIẢM	GIẢM		83.63				96.67		
BFC	26.00	TĂNG	GIẢM	27.00	24.61	-3.70%			28.97		
BHN	85.60	GIẢM	GIẢM		91.26				113.09		
BID	26.30	TĂNG	GIẢM	25.80	23.15	1.94%			31.14		
BMP	57.60	TĂNG	GIẢM	57.60	56.83	0.00%	MUA		63.44		
BSR	15.70	TĂNG	GIẢM	15.80	14.28	-0.63%			20.28		
BVH	75.00	GIẢM	GIẢM		78.66				92.24		
BWE	17.15	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	-3.11%			19.20		
CEO	13.30	TĂNG	GIẢM	13.40	11.78	-0.75%			15.97		
CHP	23.45	TĂNG	TĂNG	23.50	22.69	-0.21%		23.50	21.45	-0.21%	
CSM	13.70	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-4.80%	
CTD	149.60	TĂNG	TĂNG	149.50	140.84	0.07%		161.20	128.22	-7.20%	
CTG	23.85	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-0.62%			28.07		
CTI	29.70	TĂNG	GIẢM	29.60	28.63	0.34%			33.12		
CVT	26.10	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	0.97%			29.58		
DGW	23.40	TĂNG	GIẢM	23.90	21.72	-2.09%			26.51		
DHA	27.35	TĂNG	GIẢM	28.00	25.83	-2.32%			28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	100.00	GIẢM	TĂNG		103.30			114.49	96.90	-12.66%	
DPG	39.30	GIẢM	GIẢM		39.39				50.13		
DPM	18.10	TĂNG	GIẢM	17.70	17.27	2.26%			18.72		
DPR	38.70	GIẢM	GIẢM		39.34				41.25		
DQC	30.50	GIẢM	GIẢM		32.34				34.98		
DRC	24.60	GIẢM	TĂNG		24.64			24.30	18.94	1.23%	
DXG	26.50	TĂNG	GIẢM	23.75	23.24	11.58%			29.38		
ELC	8.90	GIẢM	GIẢM		9.59				11.21		
FCN	16.00	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-9.60%	
FIT	4.50	TĂNG	GIẢM	4.36	4.49	3.21%			5.21		
FMC	21.00	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	-0.94%			23.95		
FPT	43.30	TĂNG	GIẢM	42.90	40.58	0.93%			46.52		
GAS	86.90	TĂNG	GIẢM	86.90	85.02	0.00%	MUA		103.15		
GIL	43.50	TĂNG	TĂNG	41.65	39.95	4.44%		34.90	40.00	24.64%	
GMD	26.15	TĂNG	GIẢM	25.40	23.70	2.95%			28.65		
GTN	11.35	TĂNG	TĂNG	9.20	10.61	23.37%		11.20	10.50	1.34%	MUA
HAG	7.58	TĂNG	TĂNG	5.01	6.44	51.30%		6.19	4.82	22.46%	
HAX	16.65	GIẢM	GIẢM		17.74				18.67		



We Create Fortune

HBC	21.70	GIẢM	GIẢM		23.09			27.24	
HDB	35.20	GIẢM	GIẢM		35.69			42.95	
HNG	17.25	TĂNG	TĂNG	8.36	14.75	106.34%	8.20	11.11	110.37%
HPG	37.05	TĂNG	GIẢM	37.20	34.60	-0.40%		42.50	
HSG	11.75	TĂNG	GIẢM	11.55	10.50	1.73%		13.38	
HT1	12.00	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	2.13%		12.91	
HUT	5.90	TĂNG	GIẢM	5.80	5.01	1.72%		6.72	
HVN	36.70	TĂNG	GIẢM	33.00	30.84	11.21%		39.08	
ITD	11.85	GIẢM	TĂNG		12.62		12.40	11.14	-4.44%
KBC	12.20	TĂNG	GIẢM	12.10	11.26	0.83%		13.24	
KDH	30.90	TĂNG	GIẢM	30.90	29.61	0.00%		33.78	
KSB	32.50	GIẢM	GIẢM		33.06			37.77	
LCG	9.10	GIẢM	GIẢM		9.34			10.06	
LDG	14.10	TĂNG	GIẢM	12.05	11.54	17.01%		15.06	
LIX	41.20	GIẢM	GIẢM		42.07			45.17	
LPB	10.10	GIẢM	GIẢM		11.07			13.11	
LSS	6.94	GIẢM	GIẢM		7.45			8.24	
MSN	81.40	TĂNG	GIẢM	79.10	76.44	2.91%		90.22	
MWG	116.00	TĂNG	TĂNG	112.00	105.81	3.57%	121.00	104.78	-4.13%
NKG	14.60	GIẢM	GIẢM		15.33			17.58	
NLG	29.70	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-0.34%		31.83	
NT2	27.10	GIẢM	GIẢM		27.47			28.69	
NTL	9.77	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.60%	10.45	8.94	-6.51%
NTP	44.20	GIẢM	GIẢM		45.55			51.18	
PAC	39.40	TĂNG	GIẢM	42.50	38.47	-7.29%		42.18	
PC1	32.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.00%		34.50	
PDR	26.30	GIẢM	GIẢM		26.41			29.57	
PGC	13.95	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-2.79%		15.68	
PHR	23.40	TĂNG	GIẢM	21.90	19.80	6.85%		23.77	
PLX	58.00	GIẢM	GIẢM		58.15			67.88	
PNJ	96.90	TĂNG	GIẢM	90.30	87.45	7.31%		103.44	
POW	13.20	TĂNG	GIẢM	13.00	11.79	1.54%		13.91	
PPC	18.70	TĂNG	GIẢM	18.50	17.52	1.08%		19.21	
PTB	62.00	GIẢM	TĂNG		66.24		64.00	51.25	-3.13%
PVD	13.05	TĂNG	GIẢM	13.00	12.37	0.38%		16.34	
PVI	29.90	TĂNG	GIẢM	29.90	29.82	0.00%	MUA	33.76	
PVS	17.30	TĂNG	GIẢM	17.00	15.86	1.76%		20.82	
PXS	4.82	GIẢM	GIẢM		4.92			6.11	
RAL	88.70	GIẢM	GIẢM		90.25			106.46	
REE	34.50	TĂNG	GIẢM	32.80	32.27	5.18%		34.97	
SAB	206.80	GIẢM	GIẢM		216.81			243.10	
SAM	7.06	TĂNG	GIẢM	7.00	6.57	0.86%		7.59	
SBV	27.40	TĂNG	GIẢM	27.00	26.39	1.48%		29.35	



We Create Fortune

SCR	9.12	TĂNG	GIẢM	8.75	8.37	4.23%		10.30	
SHI	6.40	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-8.57%	6.99	5.88	-8.44%
SJS	20.80	TĂNG	GIẢM	19.70	18.11	5.58%		21.87	
SKG	20.45	TĂNG	GIẢM	20.05	19.42	2.00%		21.27	
SSI	28.60	GIẢM	GIẢM		29.51			34.19	
STB	11.50	TĂNG	GIẢM	11.20	10.73	2.68%		12.71	
SVC	45.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74	
TCM	19.00	TĂNG	GIẢM	17.80	17.66	6.74%		20.79	
TDH	12.00	GIẢM	GIẢM		12.71			14.21	
TLH	7.68	GIẢM	GIẢM		8.07			8.99	
TMT	4.78	GIẢM	GIẢM		5.51			8.25	
TNG	11.50	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	6.48%		11.90	
TYA	10.45	GIẢM	GIẢM		11.31			12.65	
VCB	57.30	TĂNG	GIẢM	57.50	53.06	-0.35%		64.41	
VFG	38.00	GIẢM	TĂNG		40.21		34.39	33.47	10.49%
VGC	17.90	GIẢM	GIẢM		19.28			22.65	
VHM	110.50	GIẢM	TĂNG		112.34				
VIB	27.20	TĂNG	GIẢM	27.60	25.83	-1.45%		30.67	
VIC	106.40	GIẢM	GIẢM		109.85			109.53	
VIP	7.30	TĂNG	TĂNG	6.95	6.79	5.04%		7.29	
VJC	144.50	TĂNG	GIẢM	144.50	141.22	0.00%	MUA	154.12	
VNM	168.50	GIẢM	GIẢM		173.68			184.77	
VPB	27.30	GIẢM	GIẢM		28.92			33.19	
VRC	19.10	TĂNG	GIẢM	17.75	17.63	7.61%	19.35	19.26	-0.49% MUA
VRE	39.80	TĂNG	GIẢM	43.00	38.75	-7.44%		44.98	
VSC	37.95	TĂNG	TĂNG	35.50	32.35	6.90%	35.30	29.50	7.51%
VSH	17.35	TĂNG	TĂNG	17.20	16.93	0.87%	17.40	16.36	-0.29%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	949.73	1.52
VN30	939.60	1.34
VN Mid	996.73	1.68
VN Small	807.07	0.37

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	361.89	
Bán	403.93	
GT ròng	(42.04)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	220	7.0%
GMD	1,700	7.0%
SJF	1,300	6.9%
HAG	490	6.9%
VSC	2,450	6.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TGG	(1,550)	-6.9%
FIT	(330)	-6.8%
HAI	(270)	-6.8%
FTM	(1,050)	-6.4%
AMD	(250)	-6.3%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	339,588	
VHM	296,097	
VNM	244,535	
VCB	206,152	
GAS	166,322	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	29.37	10.71
HAI	8.73	1.32
ASM	7.98	2.96
HAG	7.08	10.16
HSG	6.21	2.52

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.76	1.00
HN30	191.91	1.18
VNX AllSh	1,351.41	1.24

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.70	
Bán	2.98	
GT ròng	2.72	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	700	5.6%
VCG	500	3.0%
PVS	500	3.0%
SHB	200	2.5%
HUT	100	1.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PGS	(1,300)	-3.8%
TV2	(3,500)	-3.3%
NVB	(200)	-3.0%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,150	
VCS	14,640	
SHB	9,986	
VGC	8,025	
PVS	7,728	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KLF	5.60	1.69
SHB	5.09	5.92
OCH	5.00	0.17
PVS	4.22	4.14
ACB	3.45	5.29

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	50.29	0.62

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	19.59	
Bán	28.09	
GT ròng	(8.50)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	1,600	7.3%
HVN	2,300	6.7%
BSR	900	6.1%
OIL	500	3.5%
QNS	600	1.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	(100)	-1.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	175,259	
MCH	49,325	
BSR	48,678	
HVN	45,846	
GVR	32,800	

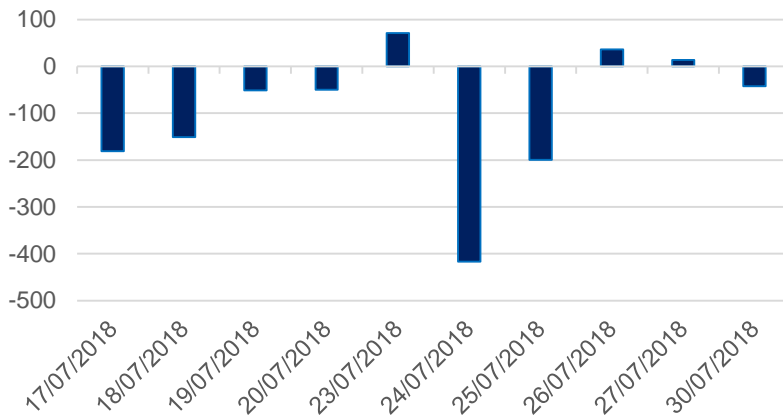
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
NQB	5.16	0.17
ART	3.12	1.60
BSR	1.74	1.28
LPB	1.48	1.57
HVN	1.14	0.36

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

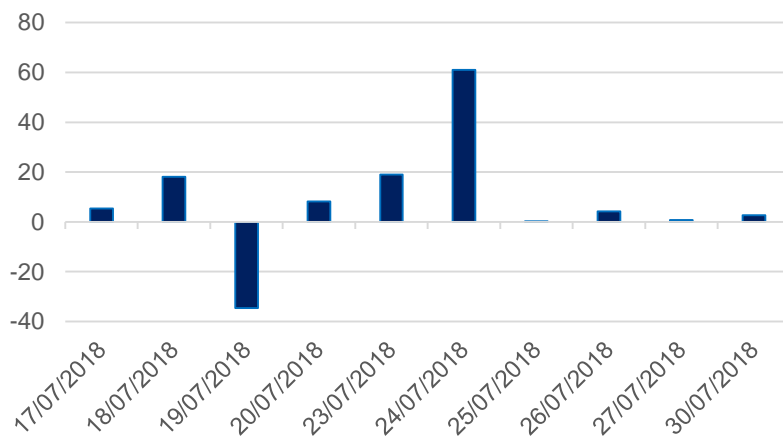
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SSI	12,865	VIC	(62,762)
BID	10,935	VNM	(12,482)
KDC	10,795	MSN	(8,129)
HCM	7,656	GTN	(7,974)
NT2	6,296	VJC	(6,919)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

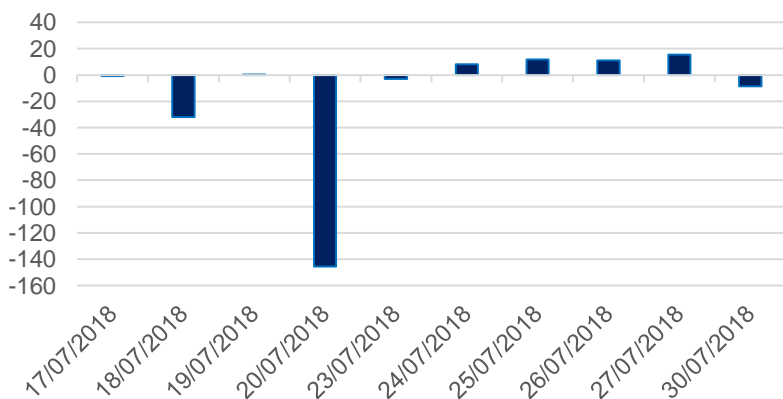
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	1,282	CAP	(1,138)
HUT	1,160	CSC	(863)
SHB	928	HMH	(201)
SHS	717	DGC	(192)
VCS	212	DGL	(142)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
KDF	3,389	BSR	(11,916)
QNS	2,407	VEA	(2,549)
POW	460	ACV	(1,199)
HVN	390	VGT	(267)
TCW	117	HEC	(27)

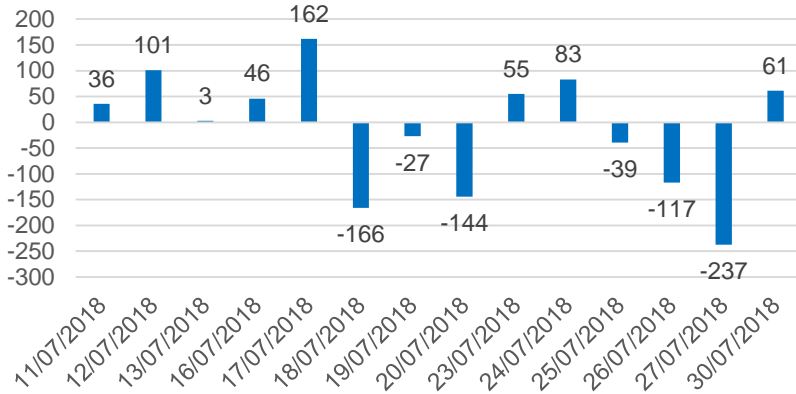
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

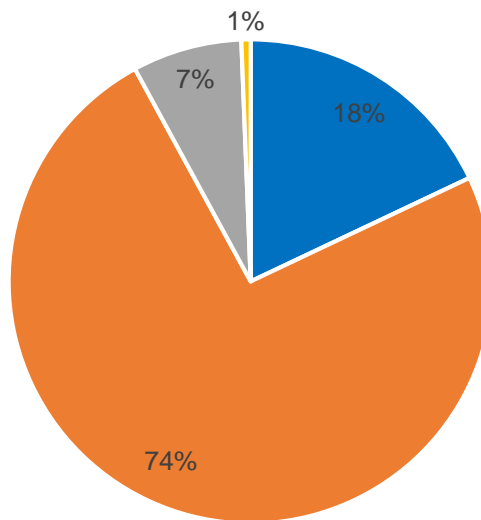


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
MSN	24,936	HPG	7,781
VIC	18,677	VIC	5,668
HPG	9,656	VNM	4,980
SSI	6,635	VPB	4,036
CAV	6,413	VJC	3,928

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



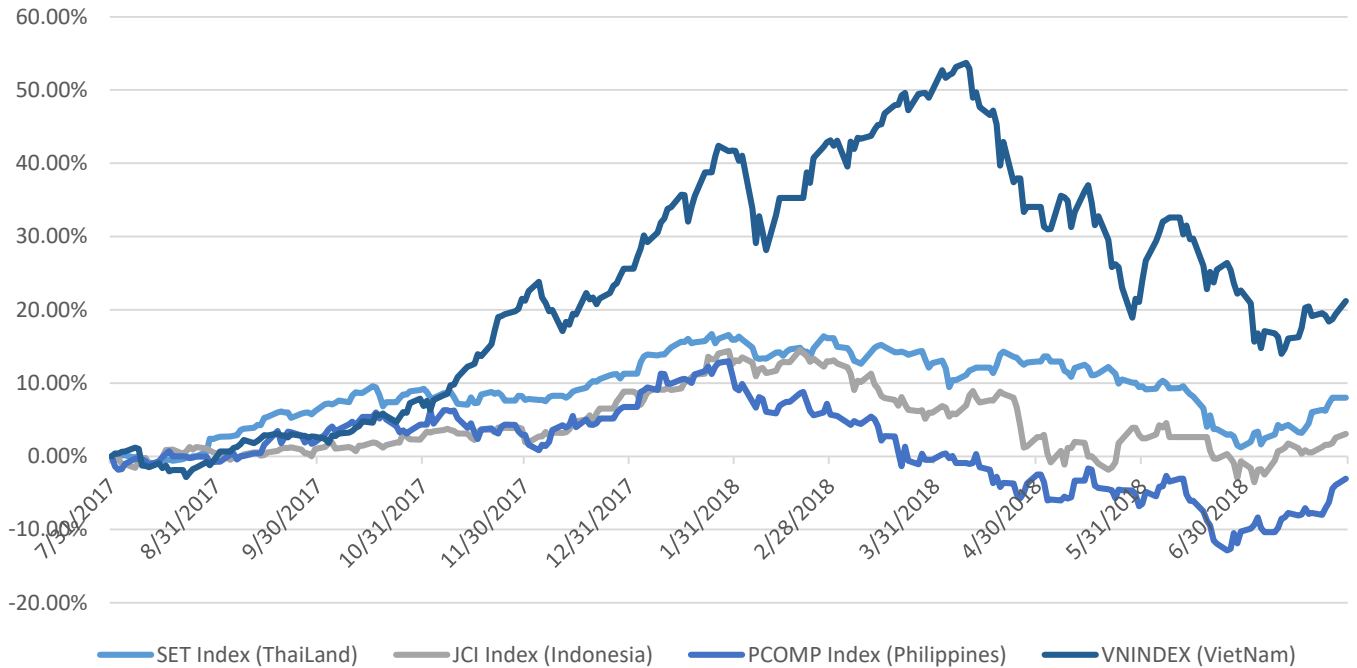
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

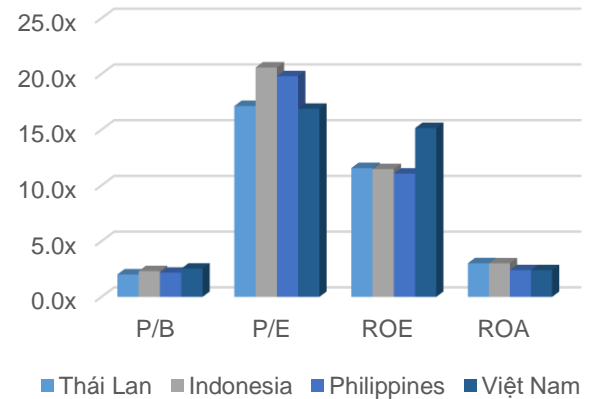
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.5x
P/E		17.1x	20.6x	19.8x	16.9x
ROE	%	11.56	11.47	11.06	15.15
ROA	%	3.02	3.01	2.40	2.40
Vốn hóa	Tỷ USD	514.98	469.78	180.05	127.93
GTGD	Triệu USD	1.35	0.35	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.03	2.27	1.61	2.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written